

Bản án số: **38/2023/HS-ST**
Ngày 20 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thế Căn** và bà **Lê Thị Thu Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thu Trang**, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa: ông **Trần Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn K** (tên gọi khác: không); sinh ngày: 15 tháng 5 năm 1997 tại K, Hải Dương.

Nơi thường trú: khu D, phường Phú Thù, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện tại: khu E, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ và bà: Trần Thị M; vợ: chưa; có 01 con; tiền sự: không; tiền án: ngày 27/4/2016, bị Toà án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương xử phạt 21 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 07/01/2021, bị Toà án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương xử phạt 23 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong hình phạt tù. Nhân thân: ngày 22/3/2013, bị UBND huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường G1, thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng.

Bị cáo bị bắt ngày 09/11/2022, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Bị hại: chị **Đào Thị H**, sinh năm: 1978; nơi thường trú: khu F, phường Hải Hoà, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị Mur, sinh năm: 1968; nơi thường trú: khu D, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1966; nơi thường trú: khu D, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Chị Lò Thị N, sinh năm: 2002; nơi thường trú: bản M, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

4. Chị Lò Thị G, sinh năm: 1984; nơi thường trú: bản M, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Mạnh Tùng, sinh năm: 1995; nơi thường trú: khu H, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện tại: thôn T, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1973; nơi thường trú: khu B, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có lý do.

7. Anh Đỗ Hồng C, sinh năm: 1973; nơi thường trú: khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Quang K1, sinh năm: 2004; nơi thường trú: xóm B, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có lý do.

- *Người làm chứng*: Lê Hồng Phong, Trần Đức Bông, Tống Văn Đà, Lê Thị Phụng, Phạm Văn Thông, Nguyễn Anh Tiến.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2022, Nguyễn Văn K đến thành phố M, tỉnh Quảng Ninh làm nhân viên lái máy xúc thuê tại khu vực Cửa khẩu B1 thuộc khu E, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh và quen biết chị Đào Thị H rồi nhận chị H là mẹ nuôi.

Đến ngày 27/10/2022, do biết chị H bị bỏng ở chân và phải nằm điều trị tại Trung tâm Y tế thành phố M thuộc khu T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, nên khoảng 22 giờ cùng ngày, K và bạn gái là chị Lò Thị N mua sữa, nước lọc mang đến phòng A302, Khoa ngoại của Trung tâm Y tế thành phố M cho chị H thì gặp chị Lê Thị P1 là bạn của chị H cũng ở đó. Tại đây, K phát hiện thấy chiếc túi xách màu trắng-nâu của chị H để ở đầu giường và biết trong túi xách có tiền, tài sản có giá trị. K quan sát thấy chị H đang nằm ngủ còn chị P1 đang ngồi sử dụng điện thoại di động và không để ý, nên nảy sinh ý định trộm cắp lấy tiền tiêu xài. K liền đi đến bên cạnh giường, cầm chiếc túi xách của chị H rồi cùng chị N đi về và thuê nhà nghỉ để ngủ. Trong lúc chị N đi tắm, K mở túi xách ra kiểm tra thì thấy bên trong có số tiền 4.000.000 đồng, 03 chiếc nhẫn vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc đã bị hỏng màn hình, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng (K nhiều lần thấy chị H sử dụng chiếc điện thoại này sử dụng ứng dụng Internet Banking nên đã có ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản).

Đến khoảng 08 giờ ngày 28/10/2022, K và chị N đi xe khách về nhà của K ở khu D, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Trên đường đi, K và chị N ăn tiêu hết số tiền 4.000.000 đồng; đồng thời K lấy 01 chiếc nhẫn vàng có gắn đá trắng hình con cóc từ trong túi xách ra cho N. Đến tối cùng ngày, K một mình đem 01 chiếc nhẫn vàng đến cửa hàng mua, bán vàng bạc “Trung Hiếu” của chị Nguyễn Thị H1 để bán, sau khi kiểm tra chị H1 nói chiếc nhẫn làm từ vàng 24K, trọng lượng khoảng 02 chỉ rồi trả cho K số tiền 10.000.000 đồng; còn 01 chiếc nhẫn vàng gắn đá màu xám, K để trong túi xách của chị H.

Tiếp đó, khoảng 13 giờ ngày 01/11/2022, K mở chiếc điện thoại Iphone 7 của chị H ra rồi vào phần ghi chú thì phát hiện mật khẩu của ứng dụng Internet Banking là “000000”. Sau khi đăng nhập ứng dụng thành công, K kiểm tra thấy trong tài khoản số 8090205092635 mở tại Ngân hàng N1 (A) của chị H có số tiền 304.828.000 đồng, nên đã chuyển 50.000.000 đồng đến số tài khoản 1030457498 mở tại Ngân hàng N2 (V) của K. Sau đó, Kết đến Cửa hàng mua, bán vàng bạc “Trung Hiếu” mua 01 dây chuyền vàng, 02 chiếc nhẫn vàng, với tổng số tiền 91.550.000 đồng và sử dụng tài khoản A của chị H chuyển số tiền 150.000.000 đồng đến số tài khoản của chị H1 để trả tiền mua vàng và nhận lại số tiền 58.450.000 đồng. Đến buổi tối cùng ngày, K tiếp tục sử dụng tài khoản A của chị H chuyển 104.000.000 đồng vào tài khoản V của K rồi rủ chị N đi đến thành phố S, tỉnh Lào Cai chơi. Trước khi đi, Kết để vào trong túi xách của chị H 03 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc nhẫn vàng gắn đá màu xám và số tiền 4.000.000 đồng rồi để chiếc túi trong phòng ngủ ở nhà của K. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, chị H gọi điện thoại cho Kết yêu cầu trả lại túi xách nên K gọi điện thoại cho bà Trần Thị M (là mẹ đẻ) và nói là lấy chiếc túi xách ở trong phòng ngủ, gửi xe khách tuyến tỉnh Hải Dương đi thành phố M cho chị H. Sau đó, bà M đã gửi túi xách cho chị Hằng theo như K đề nghị.

Về phía chị H, buổi sáng ngày 04/11/2022, chị nhận được chiếc túi xách thì không thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, chiếc nhẫn vàng 24K và chiếc nhẫn vàng gắn đá trắng hình con cóc; đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, chị H đến A - Chi nhánh Đ2 kiểm tra tài khoản, thấy bị mất số tiền 304.000.000 đồng, nên đã đến Công an thành phố Móng Cái trình báo và giao nộp gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc, bị vỡ màn hình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, gắn sim số 0886.866.579; 01 túi xách giả da, màu trắng-nâu, kích thước (22,5x10x17)cm; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong của nhẫn có chữ N10K, mặt trên nhẫn được gắn 01 viên vật liệu màu xám và 01 viên vật liệu không màu; số tiền 4.000.000 đồng.

Ngày 07/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố M triệu tập K đến trụ sở làm việc. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn K khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, K khai đã nhiều lần nhìn thấy chị H sử dụng chiếc điện thoại di động Iphone 7 màu hồng để chuyển tiền qua tài khoản A bằng dịch vụ Internet Banking và biết mật khẩu điện thoại là “000000”; Khi lấy trộm túi xách của chị H, N có hỏi tại sao lại cầm túi xách của chị H, K nói là cầm hộ tránh bị mất trộm và khi K cho N chiếc nhẫn vàng có gắn đá trắng hình con cóc, K nói là của Kết, nên N không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. Sau khi lấy được số tiền 304.000.000 đồng của chị H, ngoài việc mua 01 dây chuyền vàng và 02 nhẫn vàng, với tổng số tiền 91.550.000 đồng; K còn mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 hết 25.490.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki-Sport hết 27.700.000 đồng của anh Nguyễn Quang K1; chuyển khoản cho bà Trần Thị M (là mẹ đẻ) và ông Nguyễn Văn Đ (là bố đẻ), mỗi người 10.000.000 đồng; cho bạn là anh Nguyễn Mạnh T vay số tiền 62.000.000 đồng; mua cho chị Lò Thị N 01 dây chuyền bạc và 01 đôi bông hoa tai vàng hết 1.180.000 đồng; mua cho mẹ của chị N là Lò Thị G 02 vòng bạc và 03 đồng tiền kim loại của anh Đỗ Hồng C hết 4.900.000 đồng; tiêu xài cá nhân hết khoảng 45.000.000 đồng; còn lại trong tài khoản của K số tiền 25.560.000 đồng. Khi bán nhẫn vàng, mua dây chuyền vàng, nhẫn vàng, mua điện thoại di động, xe mô tô, chuyển tiền cho bà M và ông Đ, cho anh T vay tiền, mua dây chuyền bạc và đôi bông hoa tai vàng cho chị N, mua vòng bạc và đồng tiền kim loại cho bà G, K không nói nguồn gốc từ tiền do phạm tội mà có, nên những người này không biết.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra tạm giữ:

- 01 sợi dây chuyền màu vàng-bạc dài 56cm, gắn 01 mặt hình chữ nhật, bằng kim loại màu vàng-bạc, kích thước (3,9x2,7)cm, trên mặt có đính đá màu trắng; 01 nhẫn màu vàng, gắn 01 viên đá màu tím, bên trong nhẫn khắc chữ “VNJ” và số “103”; 01 nhẫn màu vàng, gắn nhiều viên đá màu trắng, bên trong nhẫn khắc chữ “Italy 750”; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14, màu xanh, dung lượng 256GB, gắn sim số 0344.874.394, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu đen, dung lượng 64GB, không gắn sim, đã qua sử dụng, do Nguyễn Văn K, giao nộp;

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, gắn sim có số thuê bao 0936.303.467; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình con cóc ngậm đồng tiền, lưng gắn nhiều viên đá màu trắng và xanh; 02 vòng tay kim loại màu trắng, dạng 03 hình tròn xếp chồng lên nhau; 03 miếng kim loại màu trắng, hình tròn đã xỉn màu, một mặt hình hoa văn, một mặt có hình người, trong đó có 02 miếng ghi số “1906”, 01 miếng có ghi số “1888”; 01 dây chuyền kim loại màu trắng, dạng các mắt xích xoắn nối với nhau; mặt dây chuyền kim loại màu trắng hình bông hoa có gắn các viên vật liệu không màu; 01 đôi hoa tai kim loại màu vàng, mặt trước hình bông hoa có gắn các viên vật liệu không màu, phần chốt khóa có chữ và số “KNTL 10K”; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, gắn biển

số 29K6 - 7611, sơn màu xanh; 01 đăng ký xe mô tô số A0311634 xe máy nhãn hiệu Suzuki, màu sơn xanh, biển kiểm soát 29K6-7611; 01 chiếc túi cầm tay làm bằng chất liệu giả da màu nâu, gắn nhãn hiệu LV, kích thước túi (28x19)cm; tổng số tiền 82.000.000 đồng, do anh Trần Đức B, chị Lò Thị N, bà Lò Thị G, anh Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị M giao nộp.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn phong tỏa tài khoản số 1030457498 mở tại V, bên trong có 25.560.000 đồng của Nguyễn Văn K còn chiếc nhẫn K đã bán cho chị Nguyễn Thị H1, sau đó chị H1 đã chế tác lại và bán cho người không quen biết, nên không thu giữ được.

Tại Bản kết luận giám định số 8285/KL-KTHS ngày 09/12/2022, của V1 - Bộ C1; Bản kết luận định giá tài sản số 1158/KL-HĐĐGTS ngày 28/12/2022 và Bản kết luận định giá tài sản số 115/KL-HĐĐGTS ngày 14/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố M, kết luận: chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, hình tròn, mặt trên được chế tác hình con vật ngậm miếng kim loại hình đồng tiền có gắn nhiều viên vật liệu không màu, màu xanh, màu đen, có tổng khối lượng 4,64gam (4,313gam khi không tính khối lượng viên vật liệu), có hàm lượng vàng là 62,82%, có trị giá 3.771.000 đồng; chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong của nhẫn có chữ N10K, mặt trên nhẫn được gắn 01 viên vật liệu màu xám và 01 viên vật liệu không màu, có tổng khối lượng 5,48gam (3,075gam khi không tính khối lượng viên vật liệu), có hàm lượng vàng 43,20%, có trị giá 1.848.000 đồng; chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, hình tròn, khối lượng 7,5gam có hàm lượng vàng 99,99%, có trị giá 10.338.966 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, gắn sim có số thuê bao 0936.303.467, có trị giá 2.000.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc, không gắn sim, màn hình bị vỡ, có trị giá 350.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, gắn sim có số thuê bao 0886.866.579, có trị giá 700.000 đồng và chiếc túi xách giả da, màu trắng-nâu, kích thước (22,5x10x17)cm, có trị giá 120.000 đồng.

Tại phiên tòa, K khai chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 là của bị cáo có cài ứng dụng của V mà K sử dụng để chuyển tiền chi tiêu sau khi có được số tiền từ tài khoản của chị H. Đối với chiếc túi LV, K đề nghị không nhận lại do không còn giá trị sử dụng.

Bị hại chị Đào Thị H có lời khai trong quá trình điều tra phù hợp lời khai của bị cáo về mối quan hệ với bị cáo, về thời gian, địa điểm và số tài sản bị trộm cắp. Chị đã nhận lại tài sản, cũng được gia đình bị cáo bồi thường nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, chị đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có lời khai cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo về mối quan hệ với K, ngoài ra còn phù hợp các nội dung cụ thể khác:

1. Bà Trần Thị M và ông Nguyễn Văn Đ khai phù hợp về số tiền được bị cáo K chuyển khoản nhưng ông bà không biết đó là tiền do K trộm cắp của chị H mà có. Ông bà đã nộp lại cơ quan điều tra để trả lại bị hại. Ông bà không có yêu cầu, đề nghị gì với K.

2. Chị Lò Thị N có lời khai phù hợp lời khai của bị cáo K về tài sản được K cho nhưng chị không biết việc K chiếm đoạt tài sản của chị H. Chị đã nộp lại cho cơ quan điều tra nay chị không có yêu cầu, đề nghị gì.

3. Chị Lò Thị G có lời khai được bị cáo K cho 02 vòng bạc và 03 đồng tiền kim loại; được con gái là Lò Thị N cho 01 chiếc nhẫn vàng có gắn 01 hình con cóc nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên chị đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra. Nay chị không có ý kiến gì.

4. Anh Nguyễn Mạnh T có lời khai về số tiền mà K đã chuyển khoản cho anh và việc sử dụng số tiền đó phù hợp nội dung vụ án. Anh đã nộp lại cho cơ quan điều tra. Nay anh không có ý kiến gì.

5. Chị Nguyễn Thị H1 có lời khai về việc K đã mua 01 chiếc dây chuyền vàng ý; 01 chiếc nhẫn vuông đúc vàng ý; 01 chiếc nhẫn vuông đá vàng tây tổng số là 91.550.000 đồng vì chị có ghi giấy đảm bảo vàng nhưng K chuyển khoản cho chị 150.000.000 đồng nên chị đã đưa cho K 58.450.000 đồng tiền mặt. K không nói gì về nguồn gốc số tiền chuyển khoản. Chị không nhớ đã mua của K 01 chiếc nhẫn vàng 02 chỉ vì hàng ngày có nhiều người mua bán vàng tại cửa hàng nhà chị. Ngoài ra, chị không có ý kiến gì đồng thời đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Anh Đỗ Hồng C có lời khai phù hợp lời khai của K về thời gian K mua 02 vòng bạc và 03 đồng tiền kim loại. Anh không biết gì về nguồn gốc số tiền mà K mua tài sản. Đến nay anh không có ý kiến gì.

7. Anh Nguyễn Quang K1 có lời khai phù hợp lời khai của K về việc đã bán chiếc xe máy nhãn hiệu Suzuki-Viva biên số 29K6-7611 của anh với giá 27.000.000 đồng cho K. Anh không biết K dùng tiền trộm cắp được để mua xe. Nay anh không có ý kiến gì khác, đề nghị xét xử vắng mặt.

Những người làm chứng Lê Thị P1, Lê Hồng Phong, Trần Đức Bông, Tống Văn Đà, Phạm Văn Thông, Nguyễn Anh Tiên có lời khai cơ bản phù hợp lời khai của K, phù hợp nội dung vụ án.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSMC “Án điểm”, ngày 20/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với bị cáo; sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, không đề nghị áp dụng

hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự đã giải quyết. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị với Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn K từ 10 năm đến 10 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 09/11/2022.

- Xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi cầm tay làm bằng chất liệu giả da màu nâu, gắn nhãn hiệu LV, đã qua sử dụng; tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu đen, dung lượng 64GB, điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Văn K.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát mà thừa nhận hành vi phạm tội.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; đồng thời, tại phiên tòa bị cáo tiếp tục không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Nhận định của Hội đồng xét xử về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp sao kê lịch sử tài khoản ngân hàng, kết luận giám định, kết luận định giá và các tài liệu về xác định hiện trường cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: khoảng 22 giờ ngày 27/10/2022, tại phòng A302, Khoa ngoại của Trung tâm Y tế thành phố M thuộc khu T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn K có hành vi trộm cắp của chị Đào Thị H 01 chiếc túi xách bên trong có số tiền 4.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, 01 điện thoại Iphone 6 màu bạc, 01 điện thoại Iphone 7 màu hồng, 03 chiếc nhẫn bằng vàng, tổng trị giá 19.127.966 đồng

(mười chín triệu một trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng), rồi tiếp tục dùng chiếc điện thoại Iphone 7 màu hồng trộm cắp được rồi đăng nhập vào ứng dụng Internet Banking của Ngân hàng N1 chiếm đoạt số tiền 304.000.000 đồng (ba trăm linh bốn triệu đồng) có trong tài khoản của chị H. Tổng giá trị tài sản, tiền mà Nguyễn Văn K đã chiếm đoạt của chị Đào Thị H là 327.127.966 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu một trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được Nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp, mặc dù biết rõ pháp luật nghiêm cấm việc chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó hành vi trộm cắp tiền và tài sản của chị Đào Thị H với tổng số 327.127.966 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu một trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng) của bị cáo Nguyễn Văn K, đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái là có căn cứ pháp lý. Nên việc đưa bị cáo ra xét xử công khai và áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là cần thiết.

[3]. Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên phải chịu tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, năm 2013, bị UBND huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường Giáo dưỡng nên cần xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo K.

[4]. Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trị giá tài sản trộm cắp, nhân thân và đề nghị của bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo trong khung hình phạt đã truy tố, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời đáp ứng công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố M nói riêng và trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có công việc và thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về phân trách nhiệm dân sự, vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 túi xách màu trắng-nâu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, 01 nhẫn vàng 18K gắn đá trắng hình con cóc, 01 chiếc nhẫn vàng 10K gắn đá màu xám và số tiền 4.000.000 đồng là tài sản của chị Đào Thị H, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với 01 dây chuyền vàng, 02 nhẫn vàng, 01 dây chuyền bạc, 01 đôi hoa tai vàng, 03 miếng kim loại hình tròn, 02 vòng tay bạc, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 14, 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 29K6-7611, số tiền 107.000.000 đồng (trong đó: 82.000.000 đồng do bà M, ông Đ, anh T, giao nộp và 25.000.000 đồng có trong tài khoản Ngân hàng của K) là tiền, tài sản do K dùng số tiền chiếm đoạt của chị H để mua. Chị Đào Thị H đồng ý nhận lại, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H đồng thời chị Hằng không có yêu cầu về phân trách nhiệm dân sự đối với bị cáo K nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu đen, dung lượng 64GB tạm giữ của Nguyễn Văn K, xét thấy là phương tiện, công cụ liên quan đến việc phạm tội, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 chiếc túi cầm tay làm bằng chất liệu giả da màu nâu, gắn nhãn hiệu LV, kích thước túi (28x19)cm là tài sản của bị cáo K nhưng tại phiên tòa bị cáo

cho rằng đây là vật không còn giá trị sử dụng nên đề nghị không nhận lại căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định; tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội nêu tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát, nên lời buộc tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo Nguyễn Văn K về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ, tuy nhiên về mức hình phạt có phần nghiêm khắc do đó Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét khi quyết định.

[8]. Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10]. Trong vụ án này, chị Lò Thị N có hành vi nhận nhẫn vàng, dây chuyền bạc, đôi bông tai vàng và cùng ăn, tiêu số tiền K trộm cắp được; bà Trần Thị M và ông Nguyễn Văn Đ có hành vi nhận tiền; anh Nguyễn Mạnh T có hành vi nhận tiền cho vay; bà Lò Thị G có hành vi nhận vòng bạc và đồng tiền kim loại của Nguyễn Văn K; chị Nguyễn Thị H1 có hành vi mua nhẫn vàng và bán dây chuyền vàng, nhẫn vàng cho K, anh Đỗ Hồng C và Nguyễn Quang K1 có hành vi bán tài sản cho K nhưng những người này đều không biết tiền, tài sản do K phạm tội mà có, nên không cấu thành tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn K (tên gọi khác: không).

Phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn K 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/11/2022.

***) Về vật chứng và xử lý vật chứng:**

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc túi cầm tay làm bằng chất liệu giả da màu nâu, gắn nhãn hiệu LV, kích thước túi (28x19)cm.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO A55, màu đen, không gắn sim, máy đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 67/2023/THA, ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh).

***) Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm:**

Căn cứ: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, số tiền là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

***) Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Nhà Tạm giữ Công an thành phố Móng

Cái;

- Bị cáo; bị hại; người có QL, NVLQ;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- Chi cục THAHS thành phố Móng Cái;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thu Hà